

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số:413/2022/HNGĐ-ST
Ngày:06-6-2022.
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Phan Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:315/2021/TLST-HN ngày 30 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:72/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Phát Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:*

Chị với anh Lê Phát Đ sống chung năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/02/2018. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm cuộc sống gia đình. Anh chị đã không còn sống chung hơn 01 năm nay. Chị nhận thấy giữa chị và anh Đ đã không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Phát Đ.

Về con chung: Chị và anh Lê Phát Đ có 01 con chung tên Lê Phúc L, sinh

ngày 15/11/2017, hiện đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định chị và anh Lê Phát Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Lê Phát Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời, triệu tập họp lệ anh Lê Phát Đ nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Phát Đ, đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng.

Bị đơn anh Lê Phát Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Phát Đ, giao cháu Lê Phúc L, sinh ngày 15/11/2017 cho anh Lê Phát Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với anh Lê Phát Đ có nơi cư trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét bị đơn anh Lê Phát Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Phát Đ sống chung có đăng ký kết hôn năm 2018, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn gia đình giữa chị T, anh Đ, tuy nhiên địa phương không nắm rõ, do vậy, Tòa án căn cứ trên cơ sở tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để xem xét đối với yêu cầu của nguyên đơn. Chị T cho rằng do anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm cuộc sống gia đình nên chị đã về nhà cha mẹ ruột ở hơn một năm nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ không đến tham dự hòa giải. Tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ, đối với anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có ý kiến, không đến tham dự phiên tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Lê Phúc L, sinh ngày 15/11/2017. Xét thấy cháu L chưa đủ 18 tuổi nên cần có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T thừa nhận hiện cháu L đang sống chung với anh Đ và khi ly hôn chị đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi con. Xét thấy cháu L đang sống chung với anh Đ đã ổn định, chị T cũng đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi con, chị không tranh chấp vấn đề nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thùy T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy ý kiến này của chị T là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phúc L mỗi tháng 1.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Lê Phúc L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Phát Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Phát Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Phúc L, sinh ngày 15/11/2017 cho anh Lê Phát Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phúc L mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Phúc L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Kể từ ngày anh Lê Phát Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị Thùy T còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 4410 ngày 30/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị T còn phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Phát Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Đ, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương